TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày 06 - 8 - 2021
"V/v tranh chấp chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Năm

Bà Lê Thị Bích Thuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLST - DS ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân Hoà, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân Hò(tên gọi khác: Nguyễn Văn Hữu, Nguyễn Vì Dân), sinh năm 1952;

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Văn Duy là trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc "có mặt".

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Mù, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bà Nguyễn Thị Thơ, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn 5, xã Easa, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk,

Chị Nguyễn Mai Hươ, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ dân phố Độc Lập, thị trấn Hươ Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc,

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thơ, chị Hươ, bà Mù là: Ông Nguyễn Xuân Hoà, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, (Theo văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 02 năm 2020; 08 tháng 12 năm 2020; 30 tháng 01 năm 2019) "có mặt".

Bà Cao Thị Hợ(tên thường gọi Thơ), sinh năm 1960 (Vợ ông Hòa) "vắng mặt"

Anh Nguyễn An Thịnh Vượng, sinh năm 1998 (Con ông Hòa) "vắng mặt"

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 02 tháng 5 năm 2018; ngày 02 tháng 3 năm 2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Bố ông là cụ Nguyễn Văn Cậ, mẹ là cụ Lưu Thị Choắ. Cụ Cận và cụ Choắ sinh được 04 người con chung gồm: Ông Nguyễn Xuân Hò(tên gọi khác Nguyễn Văn Hữu, Nguyễn Vì Dân), bà Nguyễn Thị Mù, bà Nguyễn Thị Thơ và ông là Nguyễn Xuân Hoà. Hai cụ không có con nuôi và không ai có con riêng.

Cụ Cận chết ngày 27/12/2013, cụ Choắ chết ngày 26/01/2019. Khi còn sống cụ Cận, cụ Choắ có tạo dựng được khối tài sản là quyền sử dụng 240 m^2 đất (Trong đó có 200 m^2 đất ở và 40 m^2 đất vườn) tại thửa số 332, tờ bản đồ số 42 ở Tổ dân phố H, thị trấn Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc và mỗi cụ được nhà nước giao cho 560m^2 đất nông nghiệp và được cấp trong 14 thửa ruộng nằm ở các sứ đồng khác nhau (Trong tổng diện tích đất 2.240m^2) đã được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Nguyễn Văn Cậ. Thời điểm chia đất nông nghiệp và diện tích đất được ghi trong giấy chứng nhận hộ Nguyễn Văn Cậ gồm có: Cụ Cận, cụ Choắ, ông Hoàn, chị Hươ (con gái ông Hoàn) được chia đất. Ngày 28/8/2007, cụ Cận lập di chúc để lại thừa kế cho ông Hoàn 126 m^2 đất ở, 1450 m^2 đất canh tác và tài sản trên đất là 01 gian nhà đổ bê tông, 03 gian nhà lợp ngói, 01

gian buồng lợp ngói cùng toàn bộ đồ dùng sinh hoạt bên trong. Di chúc được đánh bằng máy vi tính nhưng năm 2007 gia đình ông không có máy vi tính và không ai biết đánh máy vi tính, bố ông là cụ Cận nhờ ai đánh máy ông không biết. Sau khi cụ Cận lập di chúc, cụ Cận có ký trực tiếp vào di chúc hay không thì ông không biết vì ông không được chứng kiến việc cụ Cận lập di chúc. Đến đầu năm 2012 cụ Cận mới đưa Bản di chúc cho ông và lúc này ông mới biết cụ Cận lập di chúc để lại tài sản cho ông.

Năm 2012 do chính sách của nhà nước hỗ trợ tiền cho các hộ nghèo, cận nghèo trong xã, mỗi hộ được 30.000.000đồng. Bố mẹ ông có tiêu chuẩn nên được hỗ trợ 30.000.000đồng để xây nhà, lúc đó bố, mẹ ông tuổi cao không có tiền nên ông đã đập toàn bộ nhà cũ thêm tiền để xây 03 gian nhà cấp 4. Khi xây dựng xong nhà thì ông cùng vợ con và bố mẹ đẻ ông là cụ Cận, cụ Choắ sống ở đó một thời gian thì bố ông chết. Sau khi bố ông chết một thời gian ông Hòa nhiều lần gây sự đánh đuổi ông nên từ năm 2016 ông không ở ngôi nhà đó nữa mà phải dọn ra ngoài sinh sống, mẹ ông không có người chăm sóc nên đã vào ở với bà Thơ tại xã Easa, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk. Việc ông Hòa gây sự đánh đuổi ông, ông không báo cáo với chính quyền địa pHươ. Sau khi ông và mẹ ông dọn đi thì ông Hòa và bà Thơ vợ ông Hòa đã lên ngôi nhà cấp 4 do ông xây dựng để ở.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 05 năm 2018 ông đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế theo di chúc do bố ông là cụ Nguyễn Văn Cậ để lại. Tại Bản án số: 06/2019/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên đã giải quyết và chia thừa kế cho ông theo Bản di chúc của cụ Cận bố ông.

Sau đó ông Hòa kháng cáo, tại Bản án số: 60/2019/DS-PT ngày 11 tháng 12 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã hủy bản án Bản án số: 06/2019/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2019 và Quyết định sửa chữa bổ sung Bản án số 06/QĐ-SCBSBA ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên giải quyết lại vụ án.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên thụ lý giải quyết lại vụ án ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên giải quyết công nhận di chúc do bố ông là cụ Cận lập ngày 28 tháng 8 năm 2007 là hợp pháp và chia thừa kế cho ông được hưởng phần di sản của bố ông khi chết để lại theo di chúc. Nếu trường hợp di chúc không có hiệu lực, ông đề nghị phân chia di sản của bố ông khi chết để lại

theo quy định của pháp luật và ông đã bổ sung yêu cầu khởi kiện: Đầu năm 2019 mẹ ông chết, trước khi chết không để lại di chúc về việc phân chia di sản thừa kế, ông yêu cầu chia thừa kế phần tài sản của mẹ ông khi chết để lại theo quy định của pháp luật.

Đối với Bản di chúc lập ngày 04 tháng 01 năm 2012 do ông Hòa nộp tại Tòa án là di chúc giả, không phải là di chúc do bố mẹ ông lập, ông yêu cầu giám định đối với Bản di chúc này.

Tại phiên tòa ông Hoàn trình bày: Ông đã nhận được Kết luận giám định số: 198/C09-P5 ngày 16 tháng 7 năm 2021 và Công văn số 2224/C09-P5 ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Viện khoa học Hình sự bộ Công an (Là bản phô tô) về kết luận giám định đối với Bản di chúc ghi ngày 28 tháng 8 năm 2007 và Bản di chúc ghi ngày 04 tháng 01 năm 2012 nên ông xin sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau: Toàn bộ khối tài sản là di sản thừa kế của bố mẹ ông khi chết để lại theo số liệu đo đạc thực tế khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ là 252,1 m^2 (Trong đó có 200 m^2 đất ở, còn lại là đất vườn) tại thửa số 332, tờ bản đồ số 42 ở Tổ dân phố H, thị trấn Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc trên đất có 01 nhà do ông xây năm 2012 và 01 ngôi nhà cấp 4 do bố mẹ ông và toàn bộ anh em trong gia đình xây dựng cùng có một số cây cối lâm lộc trồng trên đất hiện ông Hòa, bà Thơ và anh Vượng đang quản lý sử dụng và số tiền bố mẹ ông được nhà nước hỗ trợ 30.000.000đồng cho hộ nghèo để làm nhà vào năm 2012, ông xin sử dụng nhà và tự nguyện xác định 30.000.000đồng là tài sản của bố mẹ ông để phân chia thừa kế.

Ông đề nghị phân chia khối tài sản của bố mẹ ông khi chết để lại theo quy định của pháp luật, phần ông được chia bao nhiêu ông xin sử dụng bấy nhiêu và xin sử dụng phần đất có nhà do ông xây dựng, phần của mẹ ông được chia trong phần của bố ông, phần của bà Thơ, bà Mù được hưởng, mẹ ông, bà Thơ, bà Mù cho ông, ông xin nhận.

Phần đất còn lại có ngôi nhà cấp 4 diện tích sử dụng 32m^2 do bố, mẹ ông cùng các anh em trong gia đình xây dựng đề nghị chia cho ông Hòa, phần đất ông Hòa được sử dụng nhiều hơn phần đất ông Hòa được hưởng nếu sau này ông Hòa xin ông thì ông cho ông Hòa, còn tại phiên tòa ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; Đối với ngôi nhà xây trên phần đất này ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cây cối lâm lộc trồng trên đất chia vào phần của ai người đó sử dụng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông và các anh chị em trong gia đình được bố mẹ sinh ra và lớn lên tại thửa đất trên. Từ khi còn nhỏ cho đến nay ông thấy diện tích đất của bố mẹ ông bằng phẳng nên không ai phải tôn tạo gì. Nhà đều xây trên nền đất cũ không sửa chữa gì nên không ai phải tôn tạo tài sản. Việc ông Hòa ở trên đất và nhà do ông xây dựng là do ông Hòa đuổi ông không cho ông ở. Do vậy, không có ai phải duy trì tôn tạo tài sản nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về công duy trì tôn tạo tài sản.

Về chi phí mai táng phí cho bố mẹ ông: Khi bố ông chết thì mẹ ông lo liệu toàn bộ, khi mẹ ông chết thì ông là người đứng ra lo liệu và chi phí, bà Mù và bà Thơ hỗ trợ được một phần, còn ông Hòa thì không đóng góp gì nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về chi phí mai táng.

Ông Hoàn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của bố mẹ ông khi chết để lại là đất nông nghiệp.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân Hòvắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 03 tháng 10 năm 2018, bản tự khai ngày 27 tháng 4 năm 2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Xuân Hò(Tức Nguyễn Văn Hữu, Nguyễn Vì Dân) trình bày và xác nhận:

Về quan hệ gia đình, việc bố mẹ ông sinh được 04 người con và khi còn sống có tạo dựng được khối tài sản như nguyên đơn trình bày là đúng, ông không bổ sung gì thêm. Trước khi chết bố ông có viết di chúc để lại cho ông và anh Vượng toàn bộ tài sản là đất ở, đất nông nghiệp, di chúc có chữ ký của bố, mẹ ông và có xác nhận của địa pHươ, có sự chứng kiến của ông Lưu Hồng Khang. Khi bố ông đưa Bản di chúc cho ông thì đã có chữ ký của người làm chứng, chữ ký của Dương Nhật Vy- Phó chủ tịch, dấu Quốc huy của Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Lãng; ông không chứng kiến việc bố ông lập di chúc nên ai viết, ai làm chứng, bố mẹ ông có ký trực tiếp vào di chúc ngày 04/01/2012 hay không ông không biết. Khi bố ông đưa di chúc cho ông chỉ có ông và bố ông không có ai làm chứng, ông có nói với bà Hợi (còn gọi là Thơ) vợ ông về việc bố mẹ di chúc cho nhà đất.

Bố mẹ ông có 252,1 m^2 đất thổ cư ở tổ dân phố Hồng Hồ, thị trấn Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên; trên đất có 01 nhà cấp 4 do bố mẹ ông xây năm 2012 và 01 ngôi nhà cấp 4 do ông xây dựng; diện tích đất này bằng phẳng, không ai phải tôn tạo gì và bố mẹ ông được chia đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn, ông không biết bao nhiêu m^2; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bố ông là cụ Cận. Hiện ông, bà Thơ và anh Vượng đang quản lý sử dụng

số tài sản này. Từ khi sử dụng cho đến nay ông không xây dựng gì thêm và không cải tạo gì đối với nhà, đất. Ông đề nghị Tòa án công nhận di chúc bố mẹ ông để lại tài sản cho ông ghi ngày 04 tháng 01 năm 2012 để ông được hưởng toàn bộ tài sản. Theo ông, theo phong tục tập quán của địa pHương chỉ có con trai trưởng mới được hưởng tài sản của bố mẹ để thờ cúng tổ tiên, con gái đi lấy chồng không được phân chia tài sản nên ông là con trai trưởng, ông phải được hưởng phần tài sản như trong di chúc lập ngày 28 tháng 8 năm 2007 để thờ cúng tổ tiên, còn ông Hoàn là con trai út nên đổi cho ông Hoàn phần đất còn lại ở cạnh đó có nhà cấp bốn hiện do ông đang quản lý, sử dụng.

Vì vậy, ông cho rằng Bản di chúc do bố ông là cụ Cận lập ngày 28 tháng 8 năm 2007 là giả và ông không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của nguyên đơn. Toàn bộ khối tài sản này là của ông và của anh Vượng nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông yêu cầu giám định chữ ký của bố ông trong Bản di chúc lập ngày 28 tháng 8 năm 2007.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 7 năm 2018, ngày 07 tháng 01 năm 2021 và các lần làm việc tiếp theo tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Mù và người đại diện theo ủy quyền của bà Mù là ông Nguyễn Xuân Hoà trình bày và xác nhận:

Về quan hệ gia đình, thời gian bố mẹ bà chết, việc bố mẹ bà sinh được 04 người con và khi còn sống có tạo dựng được khối tài sản là quyền sử dụng 252,1 m^2 đất thổ cư ở tổ dân phố Hồng Hồ, thị trấn Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên; trên đất có 01 nhà cấp 4 do ông Hoàn xây năm 2012 và 01 ngôi nhà cấp 4 do bố mẹ bà và anh chị em trong gia đình cùng ông Hòa xây dựng và trước khi chết cụ Nguyễn Văn Cậ (bố đẻ của bà) có lập di chúc để lại các tài sản cho ông Hoàn như ông Hoàn trình bày là đúng, bà không bổ sung gì thêm.

Bà khẳng định ngôi nhà cấp 4 xây năm 2012 chưa chát tường phía ngoài là của ông Hoàn, do ông Hoàn xây dựng. Khi ông Hoàn xây nhà đã phá nhà cũ để lấy mặt bằng xây nhà mới, bố mẹ bà là hộ cận nghèo nên được Nhà nước hỗ trợ 30.000.000 đồng, phần còn lại do ông Hoàn bỏ ra chi phí xây dựng, người đứng ra để thuê thợ xây dựng là ông Nguyễn Văn Trọng chồng bà (Hiện nay ông Trọng đã chết).

Đối với ngôi nhà cấp 4 xây năm 2009 không phải do ông Hòa xây mà do bố mẹ bà cùng các anh em trong gia đình cùng nhau bỏ công xây dựng.

Về chi phí mai táng phí cho bố mẹ bà: Khi bố bà chết thì mẹ bà lo liệu toàn bộ, khi mẹ bà chết thì ông Hoàn là người đứng ra lo liệu và chi phí toàn bộ, bà và bà Thơ chỉ hỗ trợ được một phần nhỏ, còn ông Hòa thì không đóng góp gì.

Bản thân bà là con gái đã đi lấy chồng và ở riêng bà không có ý kiến gì và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàn.

Tại đơn trình bày ghi ngày 26 tháng 7 năm 2021 bà Mù đề nghị: Đối với phần tài sản của bố mẹ bà khi chết để lại bà yêu cầu phân chia theo quy định của pháp luật, phần bà được hưởng bà xin nhận và tự nguyện cho toàn bộ phần di sản bà được hưởng cho ông Nguyễn Xuân Hoà. Bà đề nghị giao phần đất có nhà cấp 4 do ông Hoàn xây năm 2012 cho ông Hoàn sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thơ và người đại diện theo ủy quyền của bà Thơ là ông Nguyễn Xuân Hoà trình bày và xác nhận:

Về quan hệ gia đình, việc bố mẹ bà sinh được 04 người con và khi còn sống có tạo dựng được khối tài sản là quyền sử dụng đất và trước khi bố bà là cụ Nguyễn Văn Cậ chết có lập di chúc để lại cho ông Hoàn thừa kế 126 m^2 đất ở, 1450m^2 đất canh tác và tài sản như ông Hoàn trình bày là ý nguyện của cụ Cận, cụ Choắ mẹ bà và bà đồng ý với Bản di chúc của cụ Cận.

Nay ông Hoàn khởi kiện yêu cầu chia di sản theo di chúc phần của bố bà và chia di sản theo pháp luật phần di sản của mẹ bà khi chết để lại quan điểm của bà như sau: Đối với phần tài sản của bố bà khi chết để lại bà hoàn toàn nhất trí với nội dung Bản di chúc bố bà là cụ Cận lập ngày 28 tháng 8 năm 2007; bà đề nghị công nhận Bản di chúc giao cho ông Nguyễn Xuân Hoà các thửa đất được thừa hưởng. Nếu Tòa án xác định Bản di chúc lập ngày 28 tháng 8 năm 2007 không có giá trị pháp lý và chia thừa kế theo pháp luật thì bà phần bà được hưởng bà xin nhận và tự nguyện tặng cho toàn bộ phần di sản bà được hưởng cho ông Hoàn.

Đối với phần di sản của mẹ bà khi chết để lại bà đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật. Phần của bà được hưởng bao nhiêu bà xin nhận và tự nguyện tặng cho toàn bộ phần di sản bà được hưởng cho ông Nguyễn Xuân Hoà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Mai Hươ và người đại diện theo ủy quyền của chị Hươ là ông Nguyễn Xuân Hoà trình bày và xác nhận: Toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện như ông Hoàn bố chị trình bày là đúng, chị không bổ sung gì. Nay ông Hoàn (Bố đẻ chị) khởi kiện yêu cầu chia di sản

thừa kế, quan điểm của chị đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án từ ngày 02/3/2020 cho đến nay Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Cao Thị Hợ(tên gọi khác Thơ) và anh Nguyễn An Thịnh Vượng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến Tòa án làm việc để tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bà Thơ và anh Vượng đều vắng mặt.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 11 năm 2019 bà Thơ trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Xuân Hòa. Năm 1990 vợ chồng bà ở Sóc Sơn, Hà Nội, sau đó một thời gian thì về ở cùng với cụ Cận và cụ Choắ (Vì các cụ đã có sẵn nhà). Sau đó vợ chồng bà có xây lại nhà mới, khi làm Hội phụ nữ hỗ trợ 10.000.000đồng, còn đâu vợ chồng bà làm. Việc ông Hoàn khởi kiện gia đình bà, bà không biết, bà không liên quan nên không đến Tòa. Khi bố mẹ chồng bà còn sống hai cụ có di chúc bằng miệng và chồng bà ghi lại vào giấy, sau đó cho bà xem, hiện nay bà không nhớ nội dung di chúc (Khi ông Hòa cho bà xem di chúc không có dấu xác nhận, sau đó ông Hòa có xin dấu xác nhận hay không thì bà không biết).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 646, 652, 655 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 357, 468, 609, 611, 612, 613, 623, 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 106, Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Cậ và cụ Lưu Thị Chắt khi chết để lại gồm: Quyền sử dụng diện tích 252,1 m^2 đất tại thửa đất số 332, tờ bản đồ số 42 ở Tổ dân phố H, thị trấn Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc và số tiền 30.000.000đồng được hỗ trợ hộ nghèo khi làm

nhà. Ông Hoàn, ông Hòa, bà Mù, bà Thơ mỗi người được hưởng 1 phần thừa kế của hai cụ để lại theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho phần di sản của cụ Choắ được hưởng trong phần di sản của cụ Cận cho ông Hoàn; sự tự nguyện tặng cho phần di sản bà Mù, bà Thơ được hưởng trong phần di sản thừa kế của cụ Cận, cụ Choắ cho ông Hoàn.

Chia cho ông Nguyễn Xuân Hoà được quyền sử dụng diện tích 149,8 m^2 đất (Trong đó có 120 m^2 đất ở còn lại là đất vườn) trên đất có 01 nhà cấp bốn diện tích sử dụng 57m^2 cùng cây cối lâm lộc trồng trên đất và các tài sản khác được xây dựng trên đất và được hưởng số tiền 23.250.000đồng (Tiền do ông Hoàn giữ).

Ông Nguyễn Xuân Hoà phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Xuân Hò(Tức Nguyễn Văn Hữu, Nguyễn Vì Dân) số tiền 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Chia cho ông Nguyễn Xuân Hòđược quyền sử dụng diện tích 98,2 m^2 đất (Trong đó có 80 m^2 đất ở còn lại là đất vườn) trên đất có 01 nhà cấp bốn diện tích sử dụng 32m^2 cùng cây cối lâm lộc trồng trên đất và các tài sản khác được xây dựng trên đất và được hưởng số tiền 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) do ông Hoàn thanh toán. Buộc ông Hòa phải thanh toán chênh lệch phần di sản thừa kế bằng tiền cho ông Hoàn, với số tiền là 115.944.000đồng (Một trăm mười lăm triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) (Tương ứng với 42,4m^2 đất (Trong đó có 35m^2 đất ở và 7,4 m^2 đất vườn)).

Diện tích đất 4,1m^2 là lối đi chung của ông Hòa và ông Hoàn.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc rút yêu cầu chia di sản thừa kế là đất nông nghiệp.

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Xuân Hoà khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ ông khi chết để lại đối với đất ở tại thị trấn Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, đây là vụ kiện tranh chấp về thừa kế tài sản được quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Thơ (Tên gọi khác Hợi) và anh Vượng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Hòa, bà Thơ và anh Vượng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của các đương sự trong vụ án Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc diện tích 252,1 m^2 (Trong đó có 200m^2 đất ở, còn lại là đất vườn) tại thửa số 332, tờ bản đồ số 42 tại Tổ dân phố H, thị trấn Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc và một phần đất nông nghiệp đã được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ Nguyễn Văn Cậ là của cụ Cận và cụ Choắ khi chết để lại và hai cụ có 04 người con chung, không có con riêng và không có con nuôi. Toàn bộ diện tích đất trên hiện ông Hòa cùng vợ con ông Hòa là con cháu của cụ Cận, cụ Choắ đang quản lý sử dụng chưa được phân chia.

Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hoàn, bà Mù, bà Thơ, chị Hươ khẳng định trước khi chết cụ Cận đã viết di chúc ngày 28 tháng 8 năm 2007 để lại di sản cho ông Hoàn, có xác nhận của địa pHươ; trước khi cụ Choắ chết không để lại di chúc về việc phân chia di sản thừa kế đối với phần di sản của cụ Choắ. Riêng bị đơn cho rằng khi còn sống cụ Cận, cụ Choắ đã viết di chúc cho bị đơn là ông Hòa và anh Vượng toàn bộ khối tài sản bao gồm cả đất thổ cư và đất nông nghiệp, di chúc lập ngày 04 tháng 01 năm 2012 có xác nhận của địa pHươ và có người làm chứng.

Nguyên đơn cho rằng Bản di chúc ngày 04 tháng 01 năm 2012 do bị đơn nộp tại Tòa án là di chúc giả nên yêu cầu giám định chữ ký Cận, chữ ký Choắ; giám định con dấu và chữ ký của đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Lãng trong Bản di chúc. Bị đơn cho rằng di chúc lập ngày 28 tháng 8 năm 2007 là di chúc giả nên yêu cầu giám định chữ ký Cận trong Bản di chúc. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định hai Bản di chúc trên.

Tại kết luận giám định số: 2483/KLGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

1. Hình dấu tròn dưới mục: "T/M.UBNDT.T Thanh Lãng; Thanh Lãng ngày 04-1-2012" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1) không phải là hình dấu được đóng trực tiếp.
2. Hình dấu chức danh có nội dung: "PHÓ CHỦ TỊCH Dương Nhật Vi" dưới mục "T/M.UBNDT.T Thanh Lãng; Thanh Lãng ngày 04-1-2012" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1) không phải là hình dấu được đóng trực tiếp.
3. Chữ ký dưới mục "T/M.UBNDT.T Thanh Lãng; Thanh Lãng ngày 04-1-2012" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1) không phải chữ ký trực tiếp.

Tại kết luận giám định số: 198/C09-P5 ngày 16 tháng 7 năm 2021 và công văn số 2224/C09-P5 ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Viện khoa học Hình sự bộ Công an kết luận:

Chữ "Cận" trong khung màu đỏ trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một người viết ra.

Chữ "Cận" dưới các chữ "Người lập di chúc: chữ ký" và chữ viết trong mẫu cần giám định ký hiệu A2 ….. so với chữ viết trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một người ký, viết ra.

Người có mẫu chữ ký, chữ ký trong khung màu đỏ trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4, M5 không viết ra các chữ "Choắt – Lưu Thị Choắ" dưới các chữ "Người lập di chúc: chữ ký" trên các mẫu so sánh ký hiệu M2

Hình dấu tròn, hình dấu chức danh và chữ ký đứng tên Dương Nhật Vi dưới mục "T/M.UBNDT.T Thanh Lãng" trên các mẫu cẫn giám định ký hiệu A2 là hình dấu và chữ ký in phun màu.

Về nội dung và hình thức di chúc ghi ngày 04 tháng 01 năm 2012 được lập thành văn bản; tại phần người lập di chúc có chữ ký Cận và chữ ký Choắ – Lưu Thị Choắ. Phía bên dưới di chúc có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên; Di chúc có nội dung "…cho ông Nguyễn Vì Dân và cháu nội Nguyễn An Thịnh Vượng, sinh năm 1998 toàn bộ đất ở, toàn bộ nhà cửa cùng toàn bộ ruộng chiêm, ruộng mùa…" nhưng không nêu rõ đất ở đâu, diện tích là bao nhiêu, các chiều các cạnh cụ thể như thế nào. Trong di chúc có đóng dấu và có sự chứng kiến của đại diện UBND thị trấn Thanh Lãng là ông Dương Nhật Vi nhưng khi giám định thì chữ ký Dương Nhật Vi và con dấu trong di chúc không phải do ký và đóng trực tiếp, hình dấu và chữ ký in phun màu. Chữ ký chữ ký Cận

và chữ ký Choắ – Lưu Thị Choắ trong Bản di chúc không phải chữ ký của cụ Cận, cụ Choắ.

Di chúc có người làm chứng là ông Lưu Hồng Khang nhưng khi Tòa án tiến hành làm việc với ông Khang, ông Khang cho biết: Ông không biết việc cụ Cận viết di chúc thừa kế bất động sản, đất thổ cư, ruộng nông nghiệp, về nhà ở cho ông Nguyễn Vì Dân và Nguyễn An Thịnh Vượng, ông chưa bao giờ ký vào bất cứ Bản di chúc nào do cụ Cận viết. Ông khẳng định chữ ký Lưu Hồng Khang trong di chúc do ông Hòa cung cấp cho Tòa án không phải là chữ ký của ông.

Về nội dung, hình thức di chúc ghi ngày 28 tháng 8 năm 2007 được lập thành văn bản; tại phần người viết Bản di chúc có chữ ký Cận. Phía bên dưới di chúc có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên đề ngày 14/9/2007, ông Nguyễn Trọng Hinh – Phó Chủ tịch thay mặt Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Lãng đã ký tên và đóng dấu.

Theo quy định tại Điều 655 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Trong trường hợp di chúc lập bằng văn bản không có người làm chứng thì người lập di chúc phải tự tay viết và ký vào Bản di chúc. Theo quy định tại Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005: Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết Bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết nhưng phải có ít nhất hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào Bản di chúc trước mặt những người làm chứng, những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào Bản di chúc. Theo lời khai của nguyên đơn thì vào năm 2007 cụ Cận không biết đánh máy vi tính, nhà cụ Cận cũng không ai có máy vi tính. Cụ Cận nhờ người khác đánh máy hộ di chúc, việc cụ Cận nhờ ai đánh máy nguyên đơn không biết. Do vậy, có đủ cơ sở để khẳng định di chúc không phải do cụ Cận trực tiếp viết ra mà do cụ Cận nhờ khác đánh máy (viết). Như vậy, theo quy định của pháp luật di chúc phải có ít nhất 02 người làm chứng, những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào Bản di chúc.

Di chúc ghi ngày 28 tháng 8 năm 2007; đến ngày 14 tháng 9 năm 2007 đại diện địa pHươ do ông Hinh xác nhận có nội dung: … "Trực tiếp xác nhận chữ trong di chúc do cụ Nguyễn Văn Cậ hộ khẩu T^2 tại thôn Hồng Hồ, xã Thanh Lãng, lúc đó có cả cụ ông và cụ bà đều xác nhận chữ ký của Bản di chúc là thực" nên có đủ cơ sở để khẳng định đây không phải là di chúc được lập tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Lãng và lập trước mặt ông Hinh.

Theo như kết luận giám định thì chữ ký Cận tại Bản di chúc lập ngày 28 tháng 8 năm 2007 do nguyên đơn nộp tại Tòa án và chữ ký Cận, chữ ký "Choắt – Lưu Thị Choắ" tại Bản di chúc lập ngày 04 tháng 01 năm 2012 do bị đơn nộp tại Tòa án đều không phải là chữ ký của cụ Cận và cụ Choắ nên không có cơ sở để khẳng định cả hai Bản di chúc nêu trên là của cụ Cận và cụ Choắ lập trước khi chết. Đối chiếu với quy định của pháp luật về di chúc thì di chúc lập ngày 28 tháng 8 năm 2007 do nguyên đơn nộp tại Tòa án và di chúc lập ngày 04 tháng 01 năm 2012 do bị đơn nộp tại Tòa án đều không phù hợp với quy định của pháp luật nên đều không có hiệu lực.

Cả nguyên đơn và bị đơn đều khai không biết cụ Cận lập di chúc khi nào và cũng không biết cụ có trực tiếp ký vào di chúc hay không nên không có căn cứ để xác định các đương sự làm giả di chúc.

Do vậy, di sản thừa kế của cụ Cận và cụ Choắ khi chết để lại được phân chia theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại chính quyền địa pHương và lời trình bày của các đương sự thì nguồn gốc thửa đất số thửa số 332, tờ bản đồ số 42 ở Tổ dân phố H, thị trấn Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ Nguyễn Văn Cậ là của cụ Cận và cụ Choắ tạo lập nên. Diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 240m^2 (Trong đó có 200 m^2 đất ở và còn lại đất vườn); diện tích đất qua thẩm định là 252,1m^2 đất, việc diện tích đất tăng thêm là do cách đo đạc dẫn đến sai số, không lấn chiếm, không có tranh chấp với các hộ liền kề. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xác định diện tích đất 252,1m^2 là di sản của cụ Cận và cụ Choắ khi chết để lại để phân chia thừa kế. Căn cứ vào việc địa pHương cung cấp và lời trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát có đủ cơ sở xác định toàn bộ diện tích đất 252,1m^2, thửa số 332, tờ bản đồ số 42 ở Tổ dân phố H, thị trấn Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc là di sản thừa kế của cụ Cận và cụ Choắ khi chết để lại để phân chia thừa kế.

Theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2; Điều 651 Bộ luật dân sự: Những người thừa kế theo pháp luật của hàng thừa kế thứ nhất gồm: "… vợ, chồng, con đẻ, con nuôi của người chết….; những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau". Cụ Cận chết trước cụ Choắ nên những người được hưởng thừa kế của cụ Cận gồm: Cụ Choắ, ông Hòa, bà Mù, bà Thơ và ông Hoàn; những người được hưởng thừa kế của cụ Choắ gồm: Ông Hòa, bà Mù, bà Thơ và ông Hoàn.

Cả ông Hòa và ông Hoàn đều xin sử dụng đất nên chia cho mỗi người một phần đất. Do chia đất cho ông Hòa và ông Hoàn nên một phần di sản của hai cụ để lại làm lối đi chung có diện tích 4,1m^2. Phần còn lại chia cho các thừa kế theo quy định của pháp luật.

Theo quy định của pháp luật vợ chồng đều có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt ….. Do vậy, tài sản chung của vợ chồng được chia đôi: Tổng diện tích đất là 252,1m^{2}đất (Trong đó có 200m^2 đất ở còn lại là đất vườn) tại thửa số 332, tờ bản đồ số 42 ở Tổ dân phố H, thị trấn Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc trừ 4,1m^2 đất là lối đi chung, phần đất còn lại là 248 m^2 đất nên mỗi cụ có ½ diện tích đất là 124m^2 (Trong đó có 100m^2 đất ở còn lại là đất vườn). Đối với số tiền được nhà nước hỗ trợ khi làm nhà của hai cụ là 30.000.000đồng nên mỗi cụ có 15.000.000đồng.

Theo biên bản thẩm định và định giá định giá ngày 14 tháng 7 năm 2020 thì đất ở có giá 3.300.000đồng/1m^2; đất vườn có giá: 60.000đồng/1m^2. Tổng trị giá đất là: 691.260.000 đồng.

Đối với phần di sản của cụ Cận được phân chia như sau:

Trước khi cụ Lưu Thị Choắ chết, cụ có bản tự khai xác nhận hai cụ có 04 người con và tài sản của hai cụ để lại như lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Cụ đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Cận khi chết để lại theo di chúc. Nếu bản di chúc không có giá trị pháp lý và chia thừa kế theo pháp luật thì cụ tự nguyện tặng phần di sản cụ được hưởng cho ông Nguyễn Xuân Hoà. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Mù và bà Thơ đều xin nhận phần di sản mình được hưởng và tự nguyện tặng phần di sản các bà được hưởng cho ông Nguyễn Xuân Hoà.

Cụ Cận chết năm 2013 di sản của cụ Cận được chia cho cụ Choắ và 04 người con nên mỗi người được chia 24,8 m^2 đất (Trong đó có 20m^2 đất ở còn lại là đất vườn) có trị giá là 66.288.000đồng và mỗi người được 1/5 của số tiền 15.000.000đồng là 3.000.000đồng nên mỗi phần di sản được chia có trị giá 69.288.000đồng. Ông Hoàn được nhận thừa kế của cụ Cận và được hưởng phần di sản của cụ Choắ, bà Mù, bà Thơ cho ông Hoàn nên ông Hoàn được chia 04 phần, ông Hòa được chia một phần.

Đối với phần di sản của cụ Choắ được chia đều cho 04 người con là ông Hòa, bà Mù, bà Thơ, ông Hoàn, mỗi người được chia 31m^2 đất (Trong đó có 25m^2

đất ở còn lại là đất vườn) có trị giá là 82.860.000đồng và mỗi người được 1/4 của số tiền 15.000.000đồng là 3.750.000đồng nên mỗi phần di sản được chia có trị giá 86.610.000đồng. Bà Thơ, bà Mù đều xin nhận phần di sản mình được hưởng và tự nguyện tặng phần di sản các bà được hưởng cho ông Hoàn nên ông Hoàn được chia 03 phần, ông Hòa được chia 01 phần.

Do ông Hoàn thanh toán trả số tiền của hai cụ được hỗ trợ khi làm nhà cho các thừa kế nên ngôi nhà cấp 4 có diện tích 57m^2 là của ông Hoàn; chia cho ông Hoàn phần đất có nhà cấp 4 có diện tích 57m^2 do ông Hoàn xây dựng; chia cho ông Hòa phần đất có nhà cấp 4 diện tích 32m^2 là của cụ Cận và cụ Choắ cùng các con của hai cụ xây dựng. Các đương sự không yêu cầu phân chia đối với ngôi nhà 32m^2 được chia vào phần đất chia cho ông Hòa nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do chia cho ông Hòa phần đất có ngôi nhà 32m^2 nên để gia đình ông Hòa ổn định cuộc sống và để không ảnh hưởng đến kết cấu của ngôi nhà nên diện tích đất chia cho ông Hòa được nhiều hơn phần đất ông Hòa được hưởng thừa kế; cụ thể được phân chia như sau.

Chia cho ông Hoàn tổng diện tích đất là 149,8m^2 (Trong đó 120m^2 đất ở, còn lại là đất vườn), trên đất có 01 nhà cấp bốn diện tích sử dụng 57m^2 và các tài sản khác được xây dựng trên đất cùng cây cối lâm lộc trồng trên đất;

Chia cho ông Hòa diện tích 98,2m^2 (Trong đó 80m^2 đất ở, còn lại là đất vườn) trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích sử dụng 32m^2 và các tài sản khác được xây dựng trên đất cùng cây cối lâm lộc trồng trên đất nhưng ông Hòa phải có trách nhiệm thanh toán trả ông Hoàn trị giá bằng tiền tương ứng với 42,4m^2 đất (Trong đó có 35m^2 đất ở và 7,4 m^2 đất vườn) = 115.944.000đồng.

Về tiền của cụ Cận ông Hoàn được 04 xuất = 12.000.000đồng; ông Hòa được 01 xuất = 3.000.000đồng.

Về tiền của cụ Choắ ông Hoàn được 03 xuất = 11.250.000đồng; ông Hòa được 01 xuất = 3.750.000đồng.

Do ông Hoàn tự nguyện xác định hai cụ có số tiền 30.000.000đồng (Số tiền này ông Hoàn đang quản lý) nên ông Hoàn phải có trách nhiệm thanh toán trả ông Hòa kỷ phần ông Hòa được chia với số tiền là 6.750.000đồng.

Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết về công duy trì tôn tạo tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

Khi cụ Choắ chết ông Hoàn đã chi phí cho việc mai táng phí nhưng ông không có yêu cầu gì về số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện Hội đồng xét xử thấy: Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc: Chia di sản thừa kế của cụ Cận và cụ Choắ khi chết để lại là đất nông nghiệp.

[3] Về chi phí tố tụng: Trong thời hạn giải quyết vụ án ông Hoàn đã nộp tiền để chi phí cho việc xem xét thẩm định, định giá tài sản và tiền giám định. Nhưng ông Hoàn không yêu cầu các đương sự trong vụ án thanh toán chi phí tố tụng cho ông nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí:

Bà Mù, bà Thơ, ông Hòa đã trên 60 tuổi. Theo quy định của pháp luật được gọi là người cao tuổi. Bà Mù, bà Thơ, ông Hòa có đơn đề nghị xin miễn nộp tiền án phí. Theo quy định của điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Mù, bà Thơ, ông Hòa thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho bà Mù, bà Thơ, ông Hòa đối với phần bà Mù, bà Thơ, ông Hòa được hưởng.

Ông Hoàn phải chịu 225.186.000đồng x 5% = 11.259.300đồng, làm tròn 11.259.000đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản được chia và phần di sản của cụ Choắ cho ông.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 646, 652, 655 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 357, 468, 609, 611, 612, 613, 623, 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật dân sự năm

2015; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 106, Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Cậ và cụ Lưu Thị Chắt khi chết để lại gồm: Quyền sử dụng diện tích 252,1 m^2 đất (trong đó có 200 m^2 đất ở, còn lại là đất vườn) tại thửa đất số 332, tờ bản đồ số 42 ở Tổ dân phố H, thị trấn Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 641372 do Ủy ban nhân dân huyện huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 10/10/2000); địa chỉ thửa đất: Thị trấn Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc và số tiền 30.000.000đồng được hỗ trợ hộ nghèo khi làm nhà.

Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho phần di sản của cụ Choắ được hưởng trong phần di sản của cụ Cận cho ông Hoàn; sự tự nguyện tặng cho phần di sản bà Mù, bà Thơ được hưởng trong phần di sản thừa kế của cụ Cận, cụ Choắ cho ông Hoàn.

Chia cho ông Nguyễn Xuân Hoà được quyền sử dụng diện tích 149,8 m^2 đất (Trong đó có 120 m^2 đất ở còn lại là đất vườn) trên đất có 01 nhà cấp bốn diện tích sử dụng 57m^2 và các tài sản khác được xây dựng trên đất cùng cây cối lâm lộc trồng trên đất tại tại thửa đất số 332, tờ bản đồ số 42 (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 641372 do Ủy ban nhân dân huyện huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 10/10/2000); địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Hồng Hồ, thị trấn Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên được đánh số theo hình 7,6,5,4,3,2,9,8 (Có sơ đồ chi tiết kèm theo) (Toàn bộ tài sản là nhà, đất do ông Hòa, bà Thơ là vợ ông Hòa và anh Vượng con trai ông Hòa đang quản lý sử dụng. Trường hợp ông Hòa bà Thơ, anh Vượng không tự giao tài sản trên cho ông Hoàn thì ông Hoàn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành án theo quy định của pháp luật) và được hưởng số tiền 23.250.000đồng (Tiền do ông Hoàn giữ).

Ông Nguyễn Xuân Hoà phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Xuân Hò(Tức Nguyễn Văn Hữu, Nguyễn Vì Dân) số tiền 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Chia cho ông Nguyễn Xuân Hò(Tức Nguyễn Văn Hữu, Nguyễn Vì Dân) được quyền sử dụng diện tích 98,2 m^2 đất (Trong đó có 80 m^2 đất ở còn lại là đất vườn) trên đất có 01 nhà cấp bốn diện tích sử dụng 32m^2 và các tài sản khác được xây dựng trên đất cùng cây cối lâm lộc trồng trên đất tại thửa đất số 332, tờ bản

đồ số 42 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 641372 do Ủy ban nhân dân huyện huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 10/10/2000); địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Hồng Hồ, thị trấn Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên được đánh số theo hình 8,9,2,1,13,12,11,10 (Có sơ đồ chi tiết kèm theo) (Toàn bộ tài sản do ông Hòa, bà Thơ và anh Vượng đang quản lý sử dụng) và được chia số tiền 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) do ông Hoàn thanh toán.

Buộc ông Hòa phải thanh toán chênh lệch phần di sản thừa kế bằng tiền cho ông Hoàn, với số tiền là 115.944.000đồng (Một trăm mười lăm triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) (Tương ứng với 42,4m^2 đất (Trong đó có 35m^2 đất ở và 7,4 m^2 đất vườn)).

Diện tích đất 4,1m^2 là lối đi chung của ông Hòa và ông Hoàn được đánh số theo hình 6,7,8,10 (Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán trả cho nhau khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục và cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nguyễn Xuân Hoà về việc: Chia di sản thừa kế của cụ Cận và cụ Choắ khi chết để lại là đất nông nghiệp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Hoà phải nộp số tiền là 11.259.000đ (Mười một triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền AA/2016/00002695 ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông Nguyễn Xuân Hoà còn phải nộp số tiền là 1.459.000đ (Một triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Ông Hòa, bà Mù, bà Thơ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND H.Bình Xuyên;
- Chi cục THADS H.Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Tố Uyên